

### **III. GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC LOẠI ĐẤT CÒN LẠI**

#### **1. Giá đất nông nghiệp khác**

Giá đất nông nghiệp khác được tính bằng giá loại đất nông nghiệp cao nhất có cùng khu vực, vị trí.

#### **2. Giá các loại đất phi nông nghiệp (trừ đất ở)**

##### **2.1. Giá đất thương mại, dịch vụ:**

Giá đất thương mại, dịch vụ tại khu vực đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh được tính bằng 60% giá đất ở cùng đường, phố, đoạn đường, đoạn phố, vị trí đối với khu vực đô thị hoặc cùng khu vực, vị trí đối với khu vực nông thôn.

2.2. Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ: Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại khu vực đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh được tính bằng 55% giá đất ở cùng đường, phố, đoạn đường, đoạn phố, vị trí đối với khu vực đô thị hoặc cùng khu vực, vị trí đối với khu vực nông thôn.

##### **2.3. Giá các loại đất phi nông nghiệp còn lại:**

a) Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào các mục đích công cộng không có mục đích kinh doanh được tính bằng giá đất ở có cùng đường, phố, đoạn đường, đoạn phố, vị trí đối với khu vực đô thị hoặc có cùng khu vực, vị trí đối với khu vực nông thôn.

b) Đối với đất do cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng sử dụng, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, đất phi nông nghiệp khác, đất sử dụng vào các mục đích công cộng, đất xây dựng công trình sự nghiệp có mục đích kinh doanh được tính bằng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có cùng đường, phố, đoạn đường, đoạn phố, vị trí đối với khu vực đô thị hoặc có cùng khu vực, vị trí đối với khu vực nông thôn.

c) Đối với đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản thì được tính bằng giá đất nuôi trồng thủy sản cùng khu vực, vị trí; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng thủy sản thì được tính như giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có cùng đường, phố, đoạn đường, đoạn phố, vị trí đối với khu vực đô thị hoặc có cùng khu vực, vị trí đối với khu vực nông thôn.

d) Đối với đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng được tính bằng giá đất rừng sản xuất có cùng khu vực, vị trí.

#### **3. Giá các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng**

Đối với đất chưa sử dụng, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để đưa vào sử dụng thì giá đất được xác định là giá của loại đất cùng mục đích sử dụng đã được giao đất, cho thuê đất tại khu vực tương ứng với từng đường, phố, đoạn đường, đoạn phố, khu vực, vị trí đã được quy định nơi có thửa đất đó./.